TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **08**/2025/QĐST- DS	*Hạ Long, ngày 03 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 293, Điều 303, Điều 317, Điều 318, khoản 1 Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, khoản 1 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 409/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà H, D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Quang T, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Hải B; số CCCD: 0220 84006918 do Cục C về TTXH cấp ngày 22/7/2024; địa chỉ: số B T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy ủy quyền số 1430/24/BVBank/UQ-QL&THN ngày 07/11/2024).

- *Bị đơn:* ông Phạm Đức H; sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1973; đều có nơi cư trú: tổ D, khu A, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt hợp đồng hợp đồng tín dụng số 1082200006900 ngày 13/12/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B1 với ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H1.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 số tiền còn nợ tính đến hết ngày 23/01/2025 là 181.444.059 đ (Một trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm năm mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là 153.786.938 đ (một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) nợ lãi là 27.657.121đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi mốt đồng) theo hợp đồng tín dụng số 1082200006900 ngày 13/12/2022 và giấy nhận nợ số 1082200006900001 ngày 14/12/2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày hòa giải thành (ngày 24/01/2025) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông H và bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng và giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về phương án trả nợ: Ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong thời gian từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 06 năm 2026 theo kỳ, cụ thể:

- Từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 05 năm 2026, mỗi tháng ông H và bà H1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 số tiền 10.000.000đ/01 tháng (mười triệu đồng một tháng).

- Tháng 6 năm 2026 ông H và bà H1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền dư nợ còn lại và lãi phát sinh theo hợp đồng và giấy nhận nợ đã ký với Ngân hàng.

*Thời gian trả nợ: Chậm nhất là ngày 25 dương lịch hàng tháng, ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền theo thỏa thuận nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1.

Trường hợp ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ lần trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức H2 và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ nộp 4.536.101(bốn triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm linh một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.118.000đ (năm triệu một trăm mười tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001509 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP.Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thủy